

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HC-PT

Ngày: 12/7/2022

*“V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:

Bà Trần Thị Lê Na

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Anh Dũng

Bà Nguyễn Thị Kiều Trang

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Công Hách – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Bách Thiện Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 23/2021/HCPT ngày 27/12/2021 về việc *“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Chủ tịch UBND xã L H.”*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện U H, thành phố Hà Nội có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐ-HCPT ngày 07/4/2022 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Huy K, sinh năm 1957.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn N H, xã L H, huyện U H, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L H, huyện U H, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: thôn N H, xã L H, huyện U H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Kiều Xuân B** – Phó Chủ tịch UBND xã L H. *Vắng mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã L H, huyện U H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn T** – Chủ tịch UBND xã L H. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn N H, xã L H, huyện U H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Ông Nguyễn Huy K có yêu cầu khởi kiện đối với:

- Hành vi hành chính của ông Nguyễn Văn T – Chủ tịch UBND xã L H tại Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 25/01/2021: Biện vụ việc đơn giản thành phức tạp; Quyết định tổ trưởng tổ xác minh giải quyết khiếu nại không khách quan; Bỏ qua các bằng chứng, bỏ lọt các thông tin, tài liệu trong quá trình xác minh; Sử dụng các thông tin, tài liệu không có chứng cứ pháp lý để giải quyết khiếu nại làm méo mó sự việc; Không cung cấp thông tin, tài liệu bằng chứng cho người khiếu nại.

- Quyết định hành chính Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Chủ tịch UBND xã L H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Huy K (*Lần đầu*).

Với các lý do sau:

- Đối với yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã L H về việc : “Biện vụ việc đơn giản thành phức tạp”. Theo quy định Luật giải quyết khiếu nại thì thời hạn giải quyết khiếu nại là 1 tháng nhưng ông Chủ tịch UBND xã L H giải quyết khiếu nại của ông trong thời gian 1,5 tháng.

- Đối với yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã L H về việc: “Quyết định tổ trưởng tổ xác minh giải quyết khiếu nại không khách quan”. Bởi, Trong quá trình giải quyết vụ việc, ông Kiều Xuân B là Phó chủ tịch UBND xã L H đã ban hành Thông báo số 108/TB-UBND ngày 17/9/2020 về việc yêu cầu ông Nguyễn Huy K tự giác xúc vật liệu đá mặt đã đổ xuống nền Ao tại thửa đất số 422, tờ bản đồ số 12, đo đạc năm 2014 khu vực Ao chùa thôn N H, xã L H. Nhưng đến khi ông khiếu nại thì Chủ tịch UBND xã L H lại giao cho ông Kiều Xuân B là tổ trưởng tổ xác minh giải quyết khiếu nại của ông là không khách quan, ông Chủ tịch UBND xã L H phải giao cho người khác mới khách quan.

- Đối với yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã L H về việc: “Bỏ qua các bằng chứng, bỏ lọt các thông tin, tài liệu trong quá trình xác minh”. Trong quá trình giải quyết khiếu nại của ông, chủ tịch UBND xã L H bỏ qua không xem xét kỹ tính pháp lý của tờ Biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 0038206 của ông Đỗ Ngọc H nộp tiền thuế đất. Chủ tịch UBND xã không tiến hành xác minh gia đình ông V hay ông H có bao nhiêu thửa đất để có căn cứ xác định được Biên lai thu thuế sử dụng đất phi

nông nghiệp số 0038206 của ông H nêu trên là đối với thửa đất 422 nêu trên. Ông V là bố đẻ ông H. Ông V đã bán thửa đất số 422 nêu trên cho ông vào năm 2013 và gia đình ông V cũng chuyển đi khỏi thửa đất 422 nêu trên.

- Đối với yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã L H về việc: “Sử dụng các thông tin, tài liệu không có chứng cứ pháp lý để giải quyết khiếu nại làm méo mó sự việc”. Tại nội dung Biên bản đối thoại ngày 06/01/2021, có nhắc tới tài liệu là bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 (lập năm 2020) là không đúng.

- Đối với yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã L H về việc: “Không cung cấp thông tin, tài liệu bằng chứng cho người khiếu nại”. Trong quá trình đối thoại tại UBND xã L H, Chủ tịch UBND không cung cấp cho ông những tài liệu có liên quan đến thửa đất số 422 cho ông.

- Đối với yêu cầu khởi kiện Quyết định hành chính số 21 của Chủ tịch UBND xã L H về nội dung: “yêu cầu ông Nguyễn Huy K không được tiếp tục hành vi đổ đất, san nền vào thửa đất số 422, đồng thời giao công chức địa chính phối hợp với trưởng công an xã, trưởng thôn N H tham mưu UBND xã biện pháp ngăn chặn và xử lý theo quy định của pháp luật nếu ông Nguyễn Huy K tiếp tục có hành vi đổ đất san nền như đã nêu”. Việc Chủ tịch UBND xã L H quyết định như trên là không có căn cứ vì thửa đất số 422 nêu trên hiện do ông là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 2013 cho đến nay, sau khi ông mua lại của ông V.

- Đối với yêu cầu khởi kiện Quyết định hành chính số 21 nêu trên của Chủ tịch UBND xã L H về nội dung: “Giao ông Nguyễn Hà B – Công chức địa chính xây dựng xã tham mưu với UBND xã có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh cơ sở dữ liệu bản đồ theo kết quả xác minh, nhận xét, kết luận tại Quyết định này. Trên cơ sở kết quả điều chỉnh cơ sở dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền, tham mưu UBND xã xử lý theo quy định của pháp luật”. Bản đồ VLAP được nhà nước giao cho Bộ tài nguyên và môi trường chủ trì thực hiện, là bản đồ có giá trị pháp lý cao nhất nên không thể có chuyện điều chỉnh cơ sở dữ liệu bản đồ được.

Quan điểm của Chủ tịch UBND xã L H:

Ngày 09/9/2020, UBND xã L H đã phát hiện và tiến hành lập biên bản kiểm tra hiện trạng khu vực Ao Chùa (khu đất ông K đổ đá mặt) và biên bản làm việc với ông Nguyễn Huy K, tại buổi làm việc ông K đã xác nhận việc ông tự ý thuê xe chở đá mặt đổ xuống Thửa đất 422, diện tích 501,3m², tờ số 12, Bản đồ địa chính xã L H năm 2014.

Ngày 17/9/2020, UBND xã L H đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Huy K. Tại biên bản xác định ông K vi phạm tại Điểm a, Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Cùng ngày 17/9/2020, UBND xã L H đã ban hành Thông báo số 108/TB-UBND về việc yêu cầu ông Nguyễn Huy K tự giác xúc vật liệu đá mặt đã đổ xuống nền ao tại Thửa đất số 422, tờ số 12, Bản đồ địa chính năm 2014 khu vực Ao chùa thôn N H xã L H.

Ngày 02/12/2020, ông Nguyễn Huy K có đơn khiếu nại đối với Thông báo số 108/TB-UBND ngày 17/9/2020 của UBND xã L H.

Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại của công dân UBND xã đã ban hành văn bản số 137/TB-UBND ngày 10/12/2020 thông báo về việc thu lý giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngày 10/12/2020 UBND xã L H ban hành Quyết định số 188/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Huy K. Tại Điều 2 của Quyết định này có giao cho ông Kiều Xuân B – Phó chủ tịch UBND xã làm tổ trưởng tổ xác minh cùng 2 thành viên khác là công chức UBND xã.

Ngày 22/1/2021 Tổ xác minh có báo cáo số 01/BC-TXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 06/01/2021 và ngày 21/01/2021, Tổ xác minh giải quyết khiếu nại đã tổ chức đối thoại giữa cán bộ thôn, HTXNN N H qua các thời kỳ với ông Nguyễn Huy K.

Ngày 25/01/2021 UBND xã L H ban hành Quyết định số 21/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Huy K.

Đối với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Huy K, quan điểm của Chủ tịch UBND xã L H như sau:

- Đối với hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã L H: “Biến vụ việc đơn giản thành phức tạp”:

Về nguồn gốc đất: thửa đất số 422, diện tích 501.3m² tờ bản đồ số 12, đo đạc năm 2014, tại sổ mục kê đất đai 2014 có thể hiện chủ sử dụng đất là ông Đỗ Ngọc H thôn N H, loại đất ONT (đất ở). Qua làm việc xác minh với gia đình ông Đỗ Ngọc V là người được hợp tác xã nông nghiệp thôn N H thời điểm năm 1995-1996 cho thuê thửa để thả cá và làm việc với các ông bà nguyên là cán bộ HTXNN thôn N H qua các thời kỳ thì vị trí thửa đất trên nằm trong quỹ đất nông nghiệp công ích theo quy định của pháp luật về đất đai.

Về thời gian giải quyết khiếu nại: Theo quy định về giải quyết khiếu nại thì thời hạn giải quyết là 1 tháng, tuy nhiên căn cứ theo tình hình thực tế của địa phương nên UBND xã L H đã ra văn bản gia hạn thời hạn giải quyết khiếu nại 15 ngày. Do đó, việc giải quyết khiếu nại của ông K diễn ra trong thời hạn 1,5 tháng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 27 và 28 Luật khiếu nại số 02/2020/QH13 ngày 11/11/2011 và mục 2, chương II của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Về việc giao tổ trưởng tổ xác minh giải quyết khiếu nại không khách quan: Tại Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 về việc xác minh nội dung khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Huy K. Tại Điều 2 của Quyết định này có giao cho ông Kiều Xuân B – Phó chủ tịch UBND xã làm tổ trưởng tổ xác minh là hoàn toàn khách quan, không vi phạm quy định pháp luật. Vì tính chất UBND xã L H là xã cấp 3 nên chỉ có 01 Phó chủ tịch UBND xã phụ trách các mảng đất đai, văn hóa, ... Do đó, mặc dù ông Kiều Xuân B là người ký ban hành Thông báo 108 nêu trên nhưng Chủ tịch UBND xã giao cho ông Kiều Xuân B là tổ trưởng tổ xác minh giải quyết khiếu nại của ông K là hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến bỏ qua các bằng chứng, bỏ lọt các thông tin, tài liệu trong quá trình xác minh: Trong quá trình giải quyết khiếu nại đối với đơn của ông Nguyễn Huy K, UBND xã đã tiến hành xác minh thu thập thông tin và mời làm việc với những người có liên quan làm cơ sở trả lời công dân. Đối với Biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 0038206 của ông H nộp mà ông K trình bày nêu trên, UBND xã có xem xét đến Biên lai này nhận thấy biên lai không ghi rõ cụ thể số tiền thuế nộp là cho thửa đất nào, diện tích bao nhiêu nên UBND xã nhận định Biên lai đó không đủ căn cứ pháp lý để xem xét, tuy nhiên chúng tôi sẽ về kiểm tra lại xem ông H hay ông V có còn thửa đất nông nghiệp nào khác không để xác định lại lần nữa biên lai nộp thuế nêu trên có phải nộp cho thửa 422 nêu trên hay không. Trong trường hợp biên lai có nộp cho thửa 422 cũng là để trả thuế sử dụng đất chứ không để chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp.

Về việc sử dụng các thông tin, tài liệu không có chứng cứ pháp lý để giải quyết khiếu nại làm méo mó sự việc: Liên quan đến nội dung giải quyết khiếu nại thông báo số 108/TB-UBND ngày 17/9/2020 của UBND xã L H. UBND xã đã xác minh rõ về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với thửa đất số 422, tờ bản đồ số 12, đo đạc năm 2014, cùng với việc xác minh trực tiếp với những người có liên quan nắm bắt rõ quá trình sử dụng đất tại thửa đất nêu trên làm cơ sở trả lời công dân đảm bảo tính khách quan và đảm bảo quy định pháp luật. Tại biên bản đối thoại ngày 06/01/2021 có ghi “ bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 (lập năm 2020)”, đây là do lỗi kỹ thuật đánh máy. Trong Quyết định 21 nêu trên cũng có ghi rõ “bản quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được lập năm 2012”.

Về việc không cung cấp thông tin, tài liệu bằng chứng cho người khiếu nại: Sau khi thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Huy K, UBND xã đã thành lập tổ xác minh thu thập thông tin giải quyết theo quy định pháp luật. Tổ xác minh UBND xã đã tổ chức gặp gỡ đối thoại với ông Nguyễn Huy K 02 lần và đã thông qua toàn bộ nội dung xác minh, các tài liệu thu thập, xác minh, tổ xác minh đã đọc thông qua công khai cho ông Nguyễn Huy K được biết. Tuy nhiên, về các tài liệu, giấy tờ liên quan đến thửa đất 422 nêu trên chúng tôi đã cấp buổi thẩm định giá tài sản.

- Quyết định hành chính số 21/QĐ-UBND ngày 25/01/2021:

Căn cứ vào kết quả xác minh thì toàn bộ thửa đất số 422, diện tích 501,3m² là đất nông nghiệp công ích do UBND xã L H quản lý do vậy các nội dung thể hiện tại Điều 2 của Quyết định số 21 QĐ- UBND ngày 25/1/2021 của UBND xã L H là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

Thửa đất 422 nêu trên là loại đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích thủy sản ngọt. Ông Đỗ Ngọc V là người thuê thầu thửa đất 422 nêu trên sử dụng từ năm 1996 đến năm 2012 thì giao lại cho các cụ Chi hội cao tuổi, đến năm 2017 thì chuyển cho ông Kiều Văn Tiến quản lý, sử dụng đến năm 2022 nhưng đến năm 2019 do ô nhiễm nên ông Kiều Văn Tiến trả lại Chi Hội cao tuổi. Hội người cao tuổi đề nghị thôn N H giao cho anh Kiều Văn Bút trông nom, dọn dẹp, nuôi cá, thả sen. UBND không biết việc ông K mua thửa đất trên của ông V, hai ông tiến hành mua bán viết tay không thông qua công chứng, chứng thực là vi phạm quy định pháp luật. Căn cứ vào kết quả xác minh giải quyết khiếu nại, UBND xã xác định vị trí thửa đất 422 nêu trên là thửa đất có nguồn gốc là đất nông nghiệp (đất thủy sản ngọt), hiện nay UBND xã L H quản lý theo quy định pháp luật. Khi ông K tiến hành đổ đá mặt vào thửa đất nêu trên thì chính quyền xã có xuống yêu cầu ông K dừng lại và lập biên bản ngày 09/9/2020, tại biên bản này ông K có ký biên bản và cam kết không đổ đất đá nữa. Nếu ông K tiếp tục có hành vi đổ đất san nền vào vị trí thửa đất nêu trên thì sẽ vi phạm quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 11, Nghị định 01/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 quy định về xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai và việc UBND xã đưa ra các biện pháp ngăn chặn là hoàn toàn đúng với quy định pháp luật.

Theo bản đồ VLAp 2014 thửa đất 422 có ghi là loại đất ONT (đất ở nông thôn, chủ sử dụng đất là ông Đỗ Ngọc H là con ông Đỗ Ngọc Việt. Tuy nhiên qua quá trình giải quyết khiếu nại, xác minh, kiểm tra xác định được thửa đất 422 là loại đất nông nghiệp dùng mục đích nuôi trồng thủy sản ngọt, do đó chủ tịch UBND xã L H giao cho ông B – công chức địa chính xã tham mưu với UBND xã có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh cơ sở dữ liệu bản đồ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 17 Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Bản đồ địa chính.

Ngày 20/9/2021, Tòa án nhân dân huyện U H đã xét xử sơ thẩm, bản án số 01/2021/HC-ST quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2, 3 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Luật về Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật khiếu nại số 02/2020/QH13 ngày 11/11/2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành tại thời điểm ban hành;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 quy định về xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Bản đồ địa chính; khoản 1, 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy K.

Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với kết quả xét xử sơ thẩm, ngày 28/9/2021, người khởi kiện là ông Nguyễn Huy K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày ở cấp sơ thẩm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quan điểm:*

+ Đơn kháng cáo của người khởi kiện gửi đến Tòa án trong hạn luật định nên kháng cáo là hợp lệ.

+ Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định; Thẩm phán và HĐXX phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Nguyễn Huy K, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng:

- Kháng cáo của người khởi kiện là đúng quy định tại Điều 273 Luật Tố tụng hành chính 2015 nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điều 217 Luật Tố tụng hành chính.

- *Về đối tượng khởi kiện:* Hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã L H và Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện U H, thành phố Hà Nội là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Người bị kiện được xác định là Chủ tịch UBND xã L H. Vì vậy, Tòa án nhân huyện U H thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật Tố tụng hành chính 2015.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 25/01/2021 Chủ tịch UBND xã L H ban hành Quyết định 21 và giao cho ông K. Ngày 22/02/2021 ông K làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện U H nên còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính.

II. Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện:

Người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy rằng:

*** Về hành vi của Chủ tịch UBND xã L H trong quá trình giải quyết khiếu nại:**

Nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm về những yêu cầu khởi kiện liên quan đến hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã L H trong quá trình giải quyết khiếu nại là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện cũng không có ý kiến gì thêm về hành vi của Chủ tịch UBND xã L H.

*** Về thông báo số 108/TB-UBND ngày 17/9/2020:**

Ngày 09/9/2020, UBND xã L H đã phát hiện và lập biên bản đối với ông Nguyễn Huy K về việc tự ý đổ khoảng 20 m³ vật liệu đá mặt xuống nền ao tại thửa đất số 422 khu vực ao Chùa thôn N H. UBND đã yêu cầu ông Nguyễn Huy K trả lại hiện trạng ban đầu, nhưng ông Nguyễn Huy K chưa nghiêm túc thực hiện.

Ngày 17/9/2020, UBND xã L H lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Huy K và ban hành thông báo số 108/TB-UBND về việc yêu cầu ông Nguyễn Huy K tự giác xúc đổ vật liệu đá mặt đã đổ xuống nền ao tại thửa số 422, tờ bản đồ số 12, đo đạc năm 2014 khu vực ao Chùa, thôn N H, xã L H.

Tại báo cáo kết quả xác minh khiếu nại số 01/BC-TXM ngày 22/01/2021 của Tổ xác minh kết luận: “Nội dung khiếu nại đối với thông báo số 108/TB-UBND ngày 17/9/2020 của UBND xã L H về việc yêu cầu ông Nguyễn Huy K tự giác xúc vật liệu đá mặt đã đổ xuống nền ao tại thửa đất số 422, tờ bản đồ số 12, đo đạc năm 2014 tại khu vực Ao Chùa thôn N H, xã L H” là khiếu nại đúng và đã kiến nghị Hủy bỏ thông báo số 108/TB-UBND ngày 17/9/2020 của UBND xã L H.

Như vậy, sau khi phát hiện ra thông báo số 108/TB-UBND ngày 17/9/2020 là không có căn cứ và bị khiếu nại Chủ tịch UBND xã L H đã ban hành Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Huy K với nội dung Hủy bỏ Thông báo số 108/TB-UBND ngày 17/9/2020 của UBND xã L H là có căn cứ.

*** Về nội dung của Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Chủ tịch UBND xã L H:**

Nguồn gốc và quá trình biến động thửa đất 422:

- Theo kết quả kiểm tra bản đồ địa chính và xác minh về nguồn gốc thửa đất số 422, diện tích 501,3 m², tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính năm 2014 xã L H:

Theo bản đồ, sổ mục kê năm 1985: Vị trí thửa đất số 422 thuộc một phần thửa đất số 8, diện tích 4840 m², loại đất ao. Sổ mục kê ghi là “Mã Găng” thôn N H.

Sơ đồ đo đạc, sổ ghi chép năm 2002: Vị trí thửa đất 422 nằm trong 1 ô đất lớn nhưng không thể hiện thửa đất.

Bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai năm 2014: Thửa đất 422, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính năm 2014 xã L H diện tích 501,3 m², mục đích sử dụng là ONT, chủ sử dụng là ông Đỗ Ngọc Hạnh.

Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được qui hoạch là đất TSN tức là đất Thủy sản ngọt.

- Vị trí thửa đất 422, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính năm 2014 xã L H là một phần diện tích ao đầu làng N H, do HTXNN N H quản lý.

Năm 1991, cán bộ HTX nông nghiệp và lãnh đạo thôn có giao thầu khu Ao đầu làng cho ông Đỗ Ngọc V để thả cá. Trong quá trình sử dụng ông V có xây dựng nhà tạm cấp 4 và công trình chuồng trại chăn nuôi khoảng 200m².

Năm 2012, ông Đỗ Ngọc V đã xin thanh lý hợp đồng thuê thầu và đã được lãnh đạo thôn, HTX nông nghiệp chấp thuận, đồng ý cho thanh lý. Hiện nay giấy tờ về hợp đồng thuê thầu và thanh lý của ông Đỗ Ngọc Việt, do đó không xác định được diện tích giao thầu cho ông Đỗ Ngọc V là bao nhiêu.

Ngày 14/5/2012, cán bộ thôn và HTXNN đã bàn giao ao đầu làng với diện tích 4.242 m² cho Ban chấp hành hội người cao tuổi thôn N H để trồng Sen (Không bao gồm 200 m² có công trình nhà tạm ông V xây dựng và 01 ngôi mộ cạnh ao).

Cùng thời điểm, trên địa bàn xã L H thực hiện công tác đo đạc để lập bản đồ địa chính theo dự án VLAP. Khi đo đạc vị trí ao Đầu Làng, ông Kiều Quý Sửu là người được phân công dẫn đạc đã chỉ cho tổ đo đạc đo phân diện tích các công trình gia đình ông V đã sử dụng và ông Sửu đã ký vào Bản mô tả thửa đất trong đó quy chủ là ông Đỗ Ngọc H (là con trai ông V). Sau khi đo

đặc do thiếu sót trong quá trình rà soát hồ sơ nên ông Vũ Văn Hồng không phát hiện ra Tổ đo đạc đã tách phần diện tích công trình nhà ông V đã xây dựng ra thành thửa đất riêng biệt và chuyển mục đích sử dụng từ đất ao sang đất ở, đồng thời mang tên chủ sử dụng là ông Đỗ Ngọc Hạnh.

Ngày 01/9/2013, ông Đỗ Ngọc H ủy quyền cho ông Đỗ Ngọc V bán thửa đất 422 cho ông Nguyễn Huy K và bà Kiều Thúy Hiền. Ngày 10/12/2013, ông V viết giấy chuyển nhượng mảnh đất trên cho ông Nguyễn Huy K với giá 200.000.000 đồng.

Thực tế, đến ngày 02/12/2014, UBND xã L H mới ký xác nhận bản đồ địa chính năm 2014 và ngày 09/12/2014, Sở Tài nguyên và môi trường thành phố mới ký duyệt bản đồ địa chính năm 2014 xã L H và thửa đất này mới chính thức được thể hiện và xác nhận với thông tin: Thửa số 422, diện tích 501,3 m², tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính năm 2014 xã L H, loại đất ở, chủ sử dụng là Đỗ Ngọc Hạnh.

Tháng 3/2017, Chi hội người cao tuổi thôn N H ký hợp đồng với ông Kiều Văn Tiến để ông Tiến quản lý, sử dụng phần diện tích 3.177 m² (không bao gồm diện tích nhà tạm của ông V), thời hạn thuê là 5 năm.

Như vậy: Xét về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng của diện tích đất nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguồn gốc đất là đất Thủy sản ngọt, chưa có quy hoạch đất ở đối với diện tích đất nêu trên.

Việc sai sót trong quản lý đất đai dẫn đến việc biến diện tích đất Thủy sản ngọt thành Đất ở thuộc Thửa số 422, diện tích 501,3 m², tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính năm 2014 xã L H, loại đất ở, chủ sử dụng là Đỗ Ngọc H là có vi phạm. Kiến nghị UBND xã L H, UBND huyện U H xem xét trách nhiệm đối với các cá nhân, tập thể liên quan và hậu quả đối với những người liên quan đến các giao dịch dân sự liên quan đến thửa đất trên.

Hiện nay, UBND xã L H đã có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh cơ sở dữ liệu bản đồ đối với diện tích đất trên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 17 Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Bản đồ địa chính.

Tuy nhiên, trong Điều 2 Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Chủ tịch UBND xã L H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Huy K (lần đầu) có nội dung “Xử lý, khắc phục” yêu cầu ông K không được tiếp tục hành vi đổ đất san nền vào thửa số 422; Chủ tịch UBND xã L H tổ chức họp rút kinh nghiệm... là vượt quá nội dung yêu cầu giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại về “Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu”: *“h) Giữ nguyên, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định hành chính, chấm dứt hành vi hành chính bị khiếu nại; giải quyết các vấn đề cụ thể trong nội dung khiếu nại;”*.

Hội đồng xét xử kiến nghị Chủ tịch UBND xã L H cần tuân thủ các quy định pháp luật về nội dung Quyết định giải quyết Khiếu nại trong quá trình giải quyết khiếu nại của công dân.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013 thì người sử dụng đất phải : “*Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất, đúng quy định về sử dụng độ sâu trong lòng đất và chiều cao trên không, bảo vệ các công trình công cộng trong lòng đất và tuân theo các quy định khác của pháp luật có liên quan*”.

Điểm d Khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai năm 2013 quy định việc chuyển mục đích sử dụng đất ao sang đất ở cần phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ việc xem xét nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất chưa đủ căn cứ pháp lý để xác định ông Nguyễn Huy K là người sử dụng hợp pháp của Thửa số 422 nêu trên. Do vậy, việc ông K có hành vi đổ đất, san nền đối với diện tích đất tại Thửa 422, tờ bản đồ số 12, diện tích 501,3 m² bản đồ địa chính năm 2014 là vi phạm quy định của Luật đất đai và nếu có hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì yêu cầu UBND xã L H thực hiện các thủ tục để xác định hành vi vi phạm và xử lý theo đúng quy định pháp luật về đất đai.

Mặc dù việc yêu cầu ông Nguyễn Huy K không được tiếp tục đổ đất san nền vào thửa đất số 422 trong Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Chủ tịch UBND xã L H là vượt quá nội dung yêu cầu giải quyết khiếu nại nhưng về bản chất việc ngăn chặn hành vi vi phạm trong trường hợp này là cần thiết do UBND xã L H đã phát hiện ra sai sót về thông tin thửa đất số 422 trong quá trình quản lý đất đai và ông Nguyễn Huy K chưa chứng minh được quyền sử dụng hợp pháp của mình đối với diện tích đất trên. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Huy K.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

III. Về án phí:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nhưng ông Nguyễn Huy K là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Huy K; Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện U H, thành phố Hà Nội:

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy K.

2. Về án phí: ông Nguyễn Huy K không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện U H;
- Chi cục THADS huyện U H
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Lê Na